

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 09: từ ngày 13/10/2025 đến ngày 19/10/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
K10-DVTY P.E201	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1 Vi sinh vật học TY (Duyên) 3	CD và ĐTH thú y (Vân) 4	KTNPTB cho chó mèo (Lệ) 4	Vi sinh vật học TY (Duyên) 4	KTTG (Nga) 4
K11-DVTY P.E201	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1 Vi sinh vật học TY (Duyên) 3	CD và ĐTH thú y (Vân) 4	KTNPTB cho chó mèo (Lệ) 4		KTTG (Nga) 4
K10-KTDN K11-KTDN P.E305	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 Kỹ năng mềm (Dung) 4	Anh văn CN (Phiên) 4		Kỹ năng mềm (Dung) 4	
	Chiều			Thống kê DN (Thuý) 4		
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY						
TT64A1 P.B306	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> 1 Cây dược liệu (Bình) 3	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Cây rau (Huệ) 4	Cây rau (Huệ) 4	
TT65A1 P.B201	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1 Đất và phân bón (Hương) 4	Giống cây trồng (Huyền) 4	Sinh lý TV (Huệ) 4	GD chính trị (Quế) 4	
	Chiều					
TT65A3 P.B306	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> 1 Giống cây trồng (Huyền) 4	Sinh lý TV (Huệ) 4	Đất và phân bón (Hương) 4	GD chính trị (Quế) 4	
	Chiều		Các môn Tin học, GD chính trị, Pháp luật học ghép cùng lớp TT65A1			
CN64A1 P.E204	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> 1 KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 3	Kỹ sinh trùng thú y (Phượng) 4	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 4	
CN65A1 P.B202	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i> 1 Dược lý thú y (Lệ) 4	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	DD và thức ăn CN (Hoà) 4	DD và thức ăn CN (Hoà) 4	
	Chiều					
CN65A3 P.B203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (H.Nga)</i> 1 KTTG (Nga) 4	DD và thức ăn CN (Quyên) 4	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	
	Chiều					
CN65A4 P.E101	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i> 1 Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	DD thức ăn chăn nuôi (Nga) 4	Dược lý thú y (Lệ) 4	DD thức ăn chăn nuôi (Nga) 4	
	Chiều					

LN65A P.E203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i>	1	Đo đạc (Tuyết)	4		GD chính trị (Quế)	4	
		Đo đạc (Tuyết)	4	<i>Các môn Tin học, GD chính trị, Pháp luật học ghép cùng lớp TT65A1</i>					
KTDN64A1 P.B101	Sáng								
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoa)</i>	1	Kế toán DN 2 (P.Thảo)	4	Thống kê doanh nghiệp (Thủy)	4	Thuế (P.Thảo)	4
KTDN64A2 P.E304	Sáng								
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Thủy)</i>	1	Kế toán DN 2 (Dung)	4	Thuế (P.Thảo)	4	KTNS xã phường (Hoa)	4
KTDN65A1 P.B103	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dung)</i>	1	Pháp luật (Nga)	2	Nguyên lý thống kê (Hoa)	2	Kỹ năng mềm (Dung)	4
	Chiều	Kỹ năng mềm (Dung)	4	Lý thuyết KT (Q.Mai)	2	GD chính trị (Quế)	2		
KTDN65A2 P.B104	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (P.Thảo)</i>	1	GD chính trị (Thắm)	2	Kỹ năng mềm (Sơn)	2	Lý thuyết KT (P.Thảo)	4
	Chiều	Lý thuyết KT (P.Thảo)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	2	Lý thuyết KT (P.Thảo)	2		
CNTT64A1 P.TH	Sáng								
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i>	1	XD phần mềm QL BH (Hà)	4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	4	QTCSDL với Access (Phương)	4
CNTT64A2 P.TH	Sáng								
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i>	1	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	4	QTCSDL với Access (Phương)	4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang)	4
CNTT65A1 P.B205	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i>	1	Tiếng anh (K.Nhung)	2	Bảng tính Excel (Hà)	4	Tiếng anh (K.Nhung)	4
	Chiều	Kỹ năng mềm (Sơn)	4	GDTC (Thủy)	2				
CNTT65A2 P.B204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i>	1	Tiếng anh (Linh)	4	Kỹ năng mềm (Sơn)	4	Tin học VP (Phương)	4
	Chiều	GDTC (Hà)	4						
ĐCN64A1 P.E103	Sáng								
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Tuấn)</i>	1	Kỹ thuật điện tử (P.Anh)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4	Kỹ thuật điện tử (P.Anh)	4
ĐCN64A2 P.E104	Sáng								
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Giáp)</i>	1	Trang bị điện (Đ.Đức)	4	Kỹ thuật điện tử (P.Anh)	4	Cung cấp điện (Tuấn)	4
ĐCN64A3 P.E102	Sáng								
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i>	1	Cung cấp điện (Tuấn)	4	Kỹ thuật điện tử (Tuấn)	4	Trang bị điện (Nga)	4

ĐCN 64B	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> Trang bị điện (Đ.Đức)	1 3	Kỹ thuật điện tử (Dương)	4	Cung cấp điện (Đ.Đức)	4
ĐCN65A1 P.E301	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)</i> Tin học (Hà)	1 4	Mạch điện (Huyền)	4	Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4
	Chiều						
ĐCN65A2 P.E302	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Tiến)</i> Mạch điện (Huyền)	1 4	Vật liệu điện (N.Đức)	4	Tiếng anh (T.Nhung)	4
	Chiều						
ĐCN65B1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Huân)</i> Vật liệu điện (Huân)	1 4	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Vật liệu điện (Huân)	4
	Chiều						
ĐCN65B2 P.E303	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dương)</i> Tiếng anh (Linh)	1 4	Tin học (Phương)	4	Tiếng anh (Linh)	4
	Chiều						
ĐCN65B3 P.E304	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i> Tiếng anh (K.Nhung)	1 4	Tin học (Trường)	4	Mạch điện (Huyền)	4
	Chiều						
TL64	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> KTTC Công trình TL (N.Đức)	1 3	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà)	4	QLVH kênh và CT trên kênh (Huyền)	4
TL65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> Cơ kỹ thuật (Huyền)	1 4	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Vật liệu (N.Đức)	4
	Chiều						
KTDN64B	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Mai)</i> Kế toán doanh nghiệp 1 (Mai)	1 3	KTNS xã phường (T.Thảo)	4	Thống kê DN (Dung)	4
KTDN65B	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i> Lý thuyết KT (T.Thảo)	1 4	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Lý thuyết KT (T.Thảo)	4
	Chiều						
CBBQ64	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> Quản lý chất lượng TS (Liên)	1 2	CB lạnh đông thủy sản (Năm)	4	CB lạnh đông thủy sản (Năm)	4
CBBQ65	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> Vi sinh vật TP (Liên)	1 4	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Hoá sinh học TP (Năm)	4
	Chiều						

KTMTT64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Năm) VHCB HDL chính D. TT (Đông)	1 3	Luật hàng hải (Trung)	4	VHCB HDL chính D. TT (Đông)	4
KTMTT65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Năm) Cơ kỹ thuật (Huyền)	1 4	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Vẽ kỹ thuật (Trung)	4
	Chiều						
NTTS64	Sáng						
	Chiều	Sinh hoạt lớp (Liên) Sân xuất giống tôm sú (Ảnh)	1 3	Sân xuất giống tôm sú (Ảnh)	4	Sân xuất giống tôm sú (Ảnh)	4
ĐKTB65	Sáng	Sinh hoạt lớp (Ảnh) TT liên lạc hàng hải (Tiến)	1 4	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Vẽ kỹ thuật (Trung)	4
	Chiều						

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN

THỨ		Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
LỚP				
TT64A2	Sáng		Sinh hoạt lớp (Lịch) Bệnh cây CK (Hương)	1 4
	Chiều	Cây dược liệu (Bình)	Cây công nghiệp (Thọ)	4
TT64A3 TT65A2 P.B204	Sáng		Sinh hoạt lớp (Huệ) Côn trùng chuyên khoa (Huệ)	1 4
	Chiều	Hoá BVTV (Hương) (P.B303)	Hoá BVTV (Hương)	4
CN64A2 CN65A2 P.B205	Sáng		Sinh hoạt lớp (Phượng) VSV - TN (Phượng)	1 4
	Chiều	KTNPTB cho lợn (Hưng) (P.B302)	Dược lý thú y (Duyên)	4



THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
CÁC LỚP HỌC CHƯƠNG TRÌNH GDTX CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
Từ ngày 13/10/2025 đến ngày 19/10/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng	HDTN (Nhưng) 1	Ngữ văn (Hằng) 4	Địa lý (Thủy) 2	Vật lý (Dịu) 4	Lịch sử (Hà) 2
		Toán (Nhưng) 3		Toán (Nhưng) 2		Hóa học (Doan) 2
VH63B3 P.B302	Sáng	HDTN (Hà) 1	Lịch sử (Dự) 2	Toán (Lan Anh) 2	Hóa học (Hà) 2	GDKT và PL (Quế) 2
		Hóa học (Hà) 3	Địa lý (Phương) 2	Sinh học (Phượng) 2	Toán (Lan Anh) 2	Địa lý (Phương) 2
VH63B4 P.B303	Sáng	HDTN (Dự) 1	Hóa học (Vân) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	Toán (Nhưng) 2
		Lịch sử (Dự) 3	Địa lý (Duyên) 2	Lịch sử (Dự) 2	GDKT và PL (Quyên) 2	Hóa học (Vân) 2
VH63B6 P.B304	Sáng	Địa lý (Duyên) 1	Địa lý (Duyên) 2	Hóa học (Vân) 2	Vật lý (Hoà) 2	Lịch sử (Lý) 2
		Ngữ văn (Hường) 2	Toán (Nhưng) 2	Lịch sử (Lý) 2	Ngữ văn (Hường) 2	Toán (Nhưng) 2
VH63B7 P.B305	Sáng	HDTN (Hoà) 1				
		HDTN (Nga) 1	Toán (Quý) 2	Lịch sử (Lý) 2	Toán (Quý) 2	GDKT và PL (Nga) 2
VH63B8 P.B301	Sáng	Ngữ văn (H.Hà) 3	Vật lý (Hoà) 2	Hóa học (Vân) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	Lịch sử (Lý) 2
		HDTN (K.Nhung) 1	Ngữ văn (Hường) 2	GDKT và PL (Quyên) 2	Lịch sử (Dự) 2	Toán (Quý) 2
VH64B1	Sáng	Toán (Quý) 3	Sinh học (Phượng) 2	Vật lý (Hoà) 2	Địa lý (Duyên) 2	Ngữ văn (Hường) 2
		HDTN (Hằng) 1	Hóa học (Doan) 2	Toán (Nhưng) 2	Toán (Nhưng) 4	Ngữ văn (Hằng) 2
VH64B3 P.B102	Sáng	Ngữ văn (Hằng) 3	Vật lý (Dịu) 2	Địa lý (Thủy) 2		Lịch sử (Hà) 2
		HDTN (Vân) 1	Toán (Dương) 2	Lịch sử (Dự) 2	Địa lý (Thủy) 4	GDKT và PL (Quyên) 2
VH64B4 P.E201	Sáng	Vật lý (Hoà) 2	Ngữ văn (Hường) 2	GDKT và PL (Quyên) 2		Toán (Dương) 2
		Hóa học (Vân) 1				Ngữ văn (Hường) 2
VH64B4 P.E201	Chiều					Toán (Dương) 2
		HDTN (H.Nga) 1	Toán (Nhưng) 2	Ngữ văn (Hà) 4	Vật lý (Trung) 2	Hóa học (Hà) 2
VH64B4 P.E201	Sáng	GDKT và PL (Thắm) 3	Lịch sử (Hằng) 2		Hóa học (Hà) 2	Địa lý (Nga) 2
						Toán (Nhưng) 2
VH64B4 P.E201	Chiều					Hóa học (Hà) 2

VH64B5 P.E202	Sáng	HDTN (Hoà) Lịch sử (Hằng)	1 3	GDKT và PL (Quyên) Toán (Dương)	2 2	Ngữ văn (Thiên Lý) Lịch sử (Hằng)	2 2	Địa lý (Phương) Vật lý (Hoà)	2 2	Toán (Dương) Hoá học (Hà)	2 2
	Chiều									Toán (Dương) Vật lý (Hoà)	2 2
VH64B6 P. B101	Sáng	HDTN (H. Hà) Địa lý (Duyên)	1 3	Sinh học (Phượng) Toán (Quý)	2 2	Lịch sử (Hằng) Ngữ văn (H.Hà)	2 2	Địa lý (Duyên) Toán (Quý)	2 2	Ngữ văn (H.Hà) GDKT và PL (Quyên)	2 2
	Chiều										
VH64B8 P.E204	Sáng	HDTN (Phiên) Ngữ văn (Lý)	1 3	Hoá học (Vân) Sinh học (Phượng)	2 2	Địa lý (Phương) Toán (Lan Anh)	2 2	Toán (Lan Anh) Lịch sử (Dự)	2 2	GDKT và PL (Tài)	4
	Chiều									Sinh học (Phượng) Toán (Quý)	2 2
VH65B1	Sáng	HDTN (Thủy) Toán (Hương)	1 3	Địa lý (Thủy)	4	Hoá học (Doan)	4	Ngữ văn (Hằng)	4	Toán (Nhưng)	4
	Chiều										
VH65B2 P.E301	Sáng									Lịch sử (Dự) Ngữ văn (H.Hà)	2 2
	Chiều	HDTN (Quyên) Ngữ văn (H.Hà) Toán (Dương)	1 2 1	Ngữ văn (H.Hà) Lịch sử (Dự)	2 2	Địa lý (Thủy) Vật lý (Dịu)	2 2	Toán (Dương) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Vật lý (Dịu) Địa lý (Thủy)	2 2
VH65B3 P.E303	Sáng							Hoá học (Vân) Địa lý (Phương)	2 2	Vật lý (Dịu) GDKT và PL (Thắm)	2 2
	Chiều	HDTN (Quý) Toán (Quý)	1 3	Địa lý (Phương) Hoá học (Vân)	2 2	Vật lý (Dịu) Toán (Quý)	2 2	Ngữ văn (Lý) Hoá học (Vân)	2 2	Ngữ văn (Lý) Lịch sử (Dự)	2 2
VH65B4 P.B102	Sáng							Ngữ văn (Thiên Lý) Vật lý (Trung)	2 2	CD Ngữ văn (Thiên Lý) Toán (Quý)	2 2
	Chiều	HDTN (Mạnh) GDKT và PL (Nga) Hoá học (Vân)	1 2 1	Toán (Quý) Vật lý (Trung)	2 2	Toán (Quý) Ngữ văn (Thiên Lý)	2 2	Ngữ văn (Thiên Lý) GDKT và PL (Nga)	2 2	Lịch sử (Nhưng) Hoá học (Vân)	2 2
VH65B5 P.B205	Sáng									Sinh học (Phượng) Vật lý (Dịu)	2 2
	Chiều	HDTN (Hương) Toán (Dương) GDKT và PL (Nga)	1 2 1	Toán (Dương) Ngữ văn (Hà)	2 2	Ngữ văn (Hà) Sinh học (Phượng)	2 2	Lịch sử (Nhưng) Địa lý (Duyên)	2 2	Địa lý (Duyên) Vật lý (Dịu)	2 2

VH65B6 P.B204	Sáng							Toán (Lan Anh) Ngữ văn (Thiên Lý)	
	Chiều	HDTN (Linh) Sinh học (Phượng)	1 3	Toán (Lan Anh) Địa lý (Phượng)	2 2	Ngữ văn (Thiên Lý) Toán (Lan Anh)	2 2	Địa lý (Phượng) Vật lý (Trung)	2 2
VH65B7 P.B104	Sáng							Địa lý (Phượng) Toán (Lan Anh)	2 2
	Chiều	HDTN (Phượng) Ngữ văn (Lý)	1 3	Vật lý (Trung) Sinh học (Phượng)	2 2	Toán (Lan Anh) Địa lý (Phượng)	2 2	Vật lý (Trung) Lịch sử (Nhưng)	2 2
VH65B8 P.B202	Sáng							Ngữ văn (Hường) Địa lý (Duyên)	2 2
	Chiều	HDTN (Hường) Hóa học (Hà)	1 3	Địa lý (Duyên) Lịch sử (Hằng)	2 2	Lịch sử (Hằng) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Địa lý (Duyên) Ngữ văn (Hường)	2 2
VH65B9 P.B203	Sáng							Sinh học (Hồng)	4
	Chiều	HDTN (Hồng) Toán (Lan Anh)	1 3	Lịch sử (Hằng) Toán (Lan Anh)	2 2	Địa lý (Phượng) Lịch sử (Hằng)	2 2	GDKT và PL (Thắm) Ngữ văn (Thiên Lý)	2 2
VH65B10 P.B103	Sáng							GDKT và PL (Thắm) Lịch sử (Dự)	2 2
	Chiều	HDTN (Thắm) GDKT và PL (Thắm) Lịch sử (Dự)	1 1 2	Vật lý (Hoà) Toán (Dương)	2 2	Toán (Dương) Địa lý (Thủy)	2 2	Vật lý (Hoà) Ngữ văn (Lý)	2 2
VH65B11 P.E101	Sáng							Hóa học (Vân) GDKT và PL (Quế)	2 2
	Chiều	HDTN (Quế) Lịch sử (Hằng)	1 3	Ngữ văn (Hà) GDKT và PL (Quế)	2 2	Hoá học (Vân) Toán (Dương)	2 2	Ngữ văn (Hà) Toán (Dương)	4 2

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
NÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ
Đoàn Văn Lưu